

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ II CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2026

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN



MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	7- 11
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	12 - 13
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	14 - 26

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		4,545,181,067,996	6,713,045,343,681
I Tiền và các khoản tương đương tiền		110	IV.1	187,740,087,319	730,008,717,644
1. Tiền		111		187,740,087,319	730,008,717,644
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	IV.2	1,225,500,380,026	2,902,148,964,156
1. Chứng khoán kinh doanh		121	IV.2a	49,362,394,801	104,655,027,001
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123	IV.2a	1,176,137,985,225	2,797,493,937,155
III Các khoản phải thu ngắn hạn		130		1,402,931,985,419	1,180,670,453,828
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131		722,257,975,124	691,887,788,410
1.1 Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		131.1	IV.3	722,257,975,124	691,887,788,410
1.2 Phải thu khác của khách hàng		131.2		-	-
2. Trả trước cho người bán		132	IV.4	352,017,023,180	321,769,884,694
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		32,000,000,000	32,000,000,000
5. Các khoản phải thu khác		136	IV.5	462,419,776,166	294,578,979,028
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	IV.6	(165,762,789,051)	(159,566,198,304)
IV Hàng tồn kho		140		1,035,066,366	903,503,869
1. Hàng tồn kho		141	IV.7	1,035,066,366	903,503,869
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác		150		302,045,862,456	280,547,077,214
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	IV.8a	293,977,827,141	271,284,960,811
1.1 Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		151.1		206,110,175,955	209,513,399,497
1.2 Chi phí trả trước ngắn hạn khác		151.2		87,867,651,186	61,771,561,314
2. Thuế GTGT được khấu trừ		152		5,211,097,199	4,878,693,208
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153	IV.9	2,856,938,116	4,383,423,195
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
VIII Tài sản tái bảo hiểm		190		1,425,927,686,410	1,618,766,626,970
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm		191	IV.18	570,113,185,926	627,269,005,865
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm		192	IV.18	855,814,500,484	991,497,621,105

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,937,284,828,158	1,725,593,322,636
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		20,192,074,827	19,919,692,054
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		20,192,074,827	19,919,692,054
6.1	Ký quỹ bảo hiểm	216.1		8,000,000,000	8,000,000,000
6.2	Phải thu dài hạn khác	216.2		12,192,074,827	11,919,692,054
7	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II	Tài sản cố định	220		391,455,159,671	404,503,679,755
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	IV.10	353,171,472,432	362,245,158,474
	Nguyên giá	222		519,919,616,061	518,836,350,531
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(166,748,143,629)	(156,591,192,057)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	Nguyên giá	225		-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	IV.11	38,283,687,239	42,258,521,281
	Nguyên giá	228		70,296,645,120	70,296,645,120
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(32,012,957,881)	(28,038,123,839)
III	Bất động sản đầu tư	230	IV.12	30,784,809,854	31,348,738,274
	Nguyên giá	231		41,505,826,380	41,505,826,380
	Giá trị hao mòn lũy kế	232		(10,721,016,526)	(10,157,088,106)
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		58,134,339,115	59,737,400,990
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	IV.13	58,134,339,115	59,737,400,990
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3,383,690,992,283	1,179,365,701,714
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	IV.2b	18,194,568,183	17,381,133,546
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	IV.2c	30,129,400,000	30,129,400,000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254	IV.2c	(15,000,000,000)	(15,000,000,000)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	IV.2a	3,350,367,024,100	1,146,855,168,168
VI	Tài sản dài hạn khác	260		53,027,452,408	30,718,109,849
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	IV.8b	53,010,011,099	30,700,668,540
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		17,441,309	17,441,309
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
4.	Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		8,482,465,896,154	8,438,638,666,317

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		5,699,900,459,182	5,777,800,151,420
I	Nợ ngắn hạn	310		5,679,663,067,628	5,775,809,107,088
1.	Phải trả cho người bán	311	IV.14	823,139,824,812	733,125,874,367
1.1	<i>Phải trả về hợp đồng bảo hiểm</i>	<i>311.1</i>		<i>777,618,657,126</i>	<i>652,713,561,443</i>
1.2	<i>Phải trả khác cho người bán</i>	<i>311.2</i>		<i>45,521,167,686</i>	<i>80,412,312,924</i>
2.	Người mua trả tiền trước	312	IV.15	32,770,378,083	14,375,779,210
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.16	45,279,141,504	57,912,887,460
4.	Phải trả người lao động	314		144,995,349,229	200,521,382,109
5.	Chi phí phải trả	315		142,048,729	3,432,843,351
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318.1		71,171,466,189	118,103,532,270
7.	Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	318.2		144,415,182,833	153,577,342,804
8.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	IV.17	145,237,127,981	117,939,627,315
9.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		170,000,000,000	288,000,000,000
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17,939,220,269	9,594,693,587
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
13.	Dự phòng nghiệp vụ	329	IV.18	4,084,573,327,999	4,079,225,144,615
13.1	<i>Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>329.1</i>	<i>IV.18a</i>	<i>2,186,437,546,513</i>	<i>2,102,818,424,557</i>
13.2	<i>Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm</i>	<i>319.2</i>	<i>IV.18a</i>	<i>1,657,018,453,777</i>	<i>1,752,500,636,177</i>
13.3	<i>Dự phòng dao động lớn</i>	<i>319.3</i>	<i>IV.18b</i>	<i>241,117,327,709</i>	<i>223,906,083,881</i>
II	Nợ dài hạn	330		20,237,391,554	1,991,044,332
1.	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
2.	Phải trả dài hạn khác	337		18,261,347,222	15,000,000
3.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
4.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1,976,044,332	1,976,044,332

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	2,782,565,436,972	2,660,838,514,897
	Vốn chủ sở hữu	410 IV.19	2,782,565,436,972	2,660,838,514,897
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	1,205,921,290,000	1,205,921,290,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	1,205,921,290,000	1,205,921,290,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b	-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	425,978,852,804	425,978,852,804
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418	28,642,118,155	28,642,118,155
4.	Quỹ dự trữ bắt buộc	419	94,459,326,499	94,459,326,499
5.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1,023,417,186,671	901,740,212,361
-	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	891,023,504,803	624,347,794,040
-	LNST chưa phân phối kỳ này	421b	132,393,681,868	277,392,418,321
12	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		
7.	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	4,146,662,843	4,096,715,078
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	8,482,465,896,154	8,438,638,666,317

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài		-	-
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3 Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
4 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh		108,254,117,816	110,858,015,198
5 Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		1,183,718.85	300,855.09
Euro (EUR)		60,401.92	32,369.77
Bảng Anh (£)		1,848.67	1,851.97
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BUỒI ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10.1		1,779,757,044,522	1,654,732,590,465
2.1 Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	11		2,238,818,181	41,557,283,784
2.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	11.2		-	-
3. Doanh thu hoạt động tài chính	12	V.2	103,770,322,084	127,799,341,170
4. Thu nhập khác	13		837,213,214	5,304,100,228
5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20.1		1,650,633,946,181	1,457,072,980,518
6.1 Giá vốn bất động sản đầu tư	21		80,719,697	32,443,131,039
6.2 Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	21.2		-	-
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	V.3	12,175,205,065	82,426,353,478
8.1 Chi phí bán hàng	23.1		3,206,248	-
8.2 Chi phí quản lý doanh nghiệp	23.2	V.4	56,907,376,160	60,523,466,297
9. Chi phí khác	24		2,023,672,616	2,445,768,861
10.1 Lãi (lỗ) từ Công ty liên kết, liên doanh	50.1		813,434,637	690,089,775
10.2 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=10+11+12+13-20-21-22-23-24)	50.2		165,592,706,671	195,171,705,229

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		33,149,077,038	39,064,653,823
12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-1,169,089,063
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		132,443,629,633	157,276,140,469
13.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1		49,947,765	147,953,733
13.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2		132,393,681,868	157,128,186,736
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.5	1,098	1,304

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Đơn vị: đồng)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

PHẦN II - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
			Quý II.2026	Quý II.2025	Năm nay / Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm	01	V.1	1,023,239,165,219	955,117,263,160	2,152,351,199,264
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		1,075,577,521,767	885,991,633,076	2,215,744,029,863
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		12,981,360,177	24,075,724,108	20,226,291,357
- Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		65,319,716,725	(45,049,905,976)	83,619,121,956
2. Phí nhượng tái bảo hiểm	02		261,306,449,476	313,052,603,424	572,001,758,448
- Phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		243,055,122,861	254,612,467,205	514,845,938,509
- Tăng (giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(18,251,326,615)	(58,440,136,219)	(57,155,819,939)
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	03		761,932,715,743	642,064,659,736	1,580,349,440,816
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		118,488,043,359	149,488,735,912	199,407,603,706
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		50,775,703,019	83,246,160,321	122,346,439,054
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		67,712,340,340	66,242,575,591	77,061,164,652
5.1 Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	10.1		880,420,759,102	791,553,395,648	1,779,757,044,522
5.2 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10.2		-	-	-
6. Chi bồi thường	11		527,618,601,874	465,549,639,431	955,851,732,442
- Tổng chi bồi thường	11.1		535,168,352,974	464,115,103,591	964,614,755,803
- Các khoản giảm trừ (thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	11.2		7,549,751,100	(1,434,535,840)	8,763,023,361
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		199,650,342,830	122,470,448,578	310,358,834,506
					238,357,944,960

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	CHỈ TIÊU	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
				Quý II.2026	Quý II.2025	Năm trước
				(22,461,551,486)	(46,231,988,132)	(168,933,731,606)
8.	13		Tăng (giảm) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(65,169,676,205)	45,663,144,397	120,477,013,368
9.	14		Tăng (giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	370,676,383,763	251,184,058,324	374,832,668,959
10.	15		Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	8,455,037,591	6,537,975,651	13,801,847,914
11.	16		Tăng (giảm) dự phòng dao động lớn	408,496,470,346	386,783,423,727	1,068,438,463,645
12.	17		Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	102,663,861,968	101,818,372,580	214,621,245,996
	17.1		- Chi hoa hồng bảo hiểm	305,832,608,378	284,965,051,147	853,817,217,649
	17.2		- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	787,627,891,700	644,505,457,702	1,457,072,980,518
13.1	18.1		Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	-	-	-
13.2	18.2		Giá vốn cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	92,792,867,402	147,047,937,946	197,659,609,947
14.1	19.1		Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	-	-	-
14.2	19.2		Lợi nhuận gộp cung cấp hàng hóa, dịch vụ khác	1,169,318,181	10,345,883,154	41,557,283,784
15.	20		Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	40,359,849	7,493,884,128	32,443,131,039
16.	21		Giá vốn bất động sản đầu tư	1,128,958,332	2,851,999,026	9,114,152,745
17.	22		Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22=21-20)	26,410,732,469	44,979,424,027	127,799,341,170
18.	23	V.2	Doanh thu hoạt động tài chính	5,541,223,753	55,231,451,984	82,426,353,478
19.	24	V.3	Chi phí hoạt động tài chính	20,869,508,716	(10,252,027,957)	45,372,987,692
20.	25		Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	-	-	-
21.	26.1		Chi phí bán hàng	31,200,040,391	36,386,469,730	60,523,466,297
21.	26.2	V.4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	83,591,294,059	103,261,439,285	191,623,284,087
22.	30		Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (30=19+22+25-26)			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (tiếp theo)

	CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý II.2026	Quý II.2025	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
23.	Thu nhập khác	31	332,005,310	4,728,828,951	837,213,214	5,304,100,228
24.	Chi phí khác	32	1,713,912,668	52,976,468	2,023,672,616	2,445,768,861
25.	Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	(1,381,907,358)	4,675,852,483	(1,186,459,402)	2,858,331,367
25.	Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	41	769,617,009	730,841,743	813,434,637	690,089,775
26.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	82,979,003,710	108,668,133,511	165,592,706,671	195,171,705,229
27.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	17,035,002,522	22,458,985,331	33,149,077,038	39,064,653,823
28.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	(1,169,089,063)	-	(1,169,089,063)
29.	Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60	65,944,001,188	87,378,237,243	132,443,629,633	157,276,140,469
37.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	60.1	2,042,657	50,346,641	49,947,765	147,953,733
38.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	60.2	65,941,958,531	87,327,890,602	132,393,681,868	157,128,186,736
30.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-	1,098	1,304

Người lập biểu

[Signature]

Đỗ Thị Chính

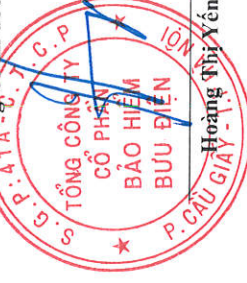
Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yên

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		165,592,706,671	195,171,705,229
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		14,695,714,034	15,089,269,403
- Các khoản dự phòng	03		204,383,714,691	(317,143,133,891)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	3,166,397,131
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		57,984,322,291	(192,211,386,503)
- Chi phí lãi vay	06		7,826,063,015	6,669,861,681
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		450,482,520,702	(289,257,286,949)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(193,852,434,056)	(91,926,707,673)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(131,562,497)	45,549,606
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		18,549,705,068	279,920,795,294
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(45,002,208,889)	31,273,491,395
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		55,292,632,200	(108,871,577,018)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7,777,806,851)	(6,536,619,216)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(35,059,907,528)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		8,344,526,682	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		285,905,372,359	(220,412,262,089)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1,083,265,530)	(12,381,991,831)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	49,960,749,999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,522,774,904,002)	(3,664,041,030,140)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		940,619,000,000	4,021,598,472,927
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(24,500,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(126,776,185,178)	160,241,325,143
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(710,015,354,710)	530,877,526,098

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	0
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		170,000,000,000	295,000,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(288,000,000,000)	(301,659,453,071)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(158,647,974)	(65,283,315)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(118,158,647,974)	(6,724,736,386)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(542,268,630,325)	303,740,527,623
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	730,008,717,644	30,380,550,719
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	155,152,896
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	187,740,087,319	334,276,231,237

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2026



Hoàng Thị Yến

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Bảo hiểm phi nhân thọ.

3. Ngành nghề kinh doanh : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 1 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Môi giới nhà đất, mua bán bất động sản và dịch vụ khác	97,60%	97,60%	97,60%	97,60%

5b. Danh sách các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu theo cam kết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Kasati	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP Hồ Chí Minh	21,30%	21,30%

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**
Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của năm nay.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính, Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện các Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	23,928	23,928
Tiền gửi ngân hàng	187,740,063,391	730,008,693,716
Cộng	187,740,087,319	730,008,717,644

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

2. Đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Chứng khoán kinh doanh	49,362,394,801	49,362,394,801	104,655,027,001	104,269,367,001
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4,526,505,009,325	4,526,505,009,325	3,944,349,105,323	3,944,349,105,323
Ngắn hạn	1,176,137,985,225	1,176,137,985,225	2,797,493,937,155	2,797,493,937,155
Tiền gửi có kỳ hạn	1,176,137,985,225	1,176,137,985,225	2,486,756,985,225	2,486,756,985,225
Đầu tư trái phiếu	-	-	310,736,951,930	310,736,951,930
Dài hạn	3,350,367,024,100	3,350,367,024,100	1,146,855,168,168	1,146,855,168,168
Tiền gửi có kỳ hạn	2,657,000,000,000	2,657,000,000,000	402,000,000,000	402,000,000,000
Đầu tư trái phiếu	693,367,024,100	693,367,024,100	744,855,168,168	744,855,168,168
Cộng	4,575,867,404,126	4,575,867,404,126	4,049,004,132,324	4,049,004,132,324

2b. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Cộng	Giá gốc	Dự phòng	Cộng
Công ty Cổ phần Kasati ⁽¹⁾	14,292,700,000	-	14,292,700,000	14,292,700,000	-	14,292,700,000
Cộng	14,292,700,000	-	14,292,700,000	14,292,700,000	-	14,292,700,000

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(1)	17,381,133,546	813,434,637	-	-	18,194,568,183
Cộng	17,381,133,546	813,434,637	-	-	18,194,568,183

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Chế biến thủy sản Ut Xi	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000	15,000,000,000
Công ty Cổ phần Du lịch Bưu điện	2,940,000,000	-	2,940,000,000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ số liệu Toàn Cầu	5,699,400,000	-	5,699,400,000	-
Công ty Cổ phần Huawei Việt Nam	5,800,000,000	-	5,800,000,000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Phương Nam	65,000,000	-	65,000,000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ và Truyền thông	625,000,000	-	625,000,000	-
Cộng	30,129,400,000	15,000,000,000	30,129,400,000	15,000,000,000

3. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	540,588,999,674	297,527,642,272
Phải thu về tái bảo hiểm	181,668,975,450	394,360,146,138
Cộng	722,257,975,124	691,887,788,410

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	308,329,071,260	292,090,929,376
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	19,423,478,123	5,221,465,217
Trả trước cho nhà cung cấp khác	24,264,473,797	24,457,490,101
Cộng	352,017,023,180	321,769,884,694

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	216,905,909,757	148,114,046,870
Tạm ứng	27,502,633,028	20,646,276,516
Các khoản phải thu khác	218,011,233,381	125,818,655,642
Cộng	462,419,776,166	294,578,979,028

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	159,566,198,304	137,572,957,047
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	6,196,590,747	21,993,241,257
Số cuối kỳ	165,762,789,051	159,566,198,304

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	619,577,462	672,487,030
Công cụ, dụng cụ	415,488,904	231,016,839
Cộng	1,035,066,366	903,503,869

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ (*)	206,110,175,955	209,513,399,497
Chi phí kinh doanh chờ phân bổ	86,847,651,188	50,542,562,038
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,019,999,998	11,228,999,276
Cộng	293,977,827,141	271,284,960,811

(*) Biến động tăng, giảm chi phí hoa hồng chờ phân bổ trong kỳ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	209,513,399,497	242,815,443,918
Số phát sinh trong kỳ	205,794,581,743	381,287,265,961
Số đã phân bổ vào chi phí trong kỳ	(209,197,805,285)	(414,589,310,382)
Số dư cuối kỳ	206,110,175,955	209,513,399,497

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1,940,341,418	388,248,756
Chi phí thuê nhà	1,837,699,598	31,000,000
Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	18,193,952,342	15,748,142,156
Các khoản chi phí khác	31,038,017,741	14,533,277,628
Cộng	53,010,011,099	30,700,668,540

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	46,886,877	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	2,344,288,082	1,797,153,537
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	356,124,535	2,409,302,107
Thuế khác	109,638,622	176,967,551
Cộng	2,856,938,116	4,383,423,195

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	369,088,592,339	67,753,984,418	81,993,773,774	518,836,350,531
Tăng trong kỳ	-	-	1,083,265,530	1,083,265,530
Phân loại lại tài sản	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	369,088,592,339	67,753,984,418	83,077,039,304	519,919,616,061
Số đầu năm	54,690,354,657	45,531,793,441	56,369,043,959	156,591,192,057
Khấu hao trong kỳ	4,285,650,756	2,538,510,776	3,332,790,040	10,156,951,572
Phân loại lại tài sản	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	58,976,005,413	48,070,304,217	59,701,833,999	166,748,143,629
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	314,398,237,682	22,222,190,977	25,624,729,815	362,245,158,474
Số cuối kỳ	310,112,586,926	19,683,680,201	23,375,205,305	353,171,472,432

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	27,564,441,158	42,732,203,962	70,296,645,120
Tăng trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	27,564,441,158	42,732,203,962	70,296,645,120
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	28,038,123,839	28,038,123,839
Khấu hao trong kỳ	-	3,974,834,042	3,974,834,042
Số cuối kỳ	-	32,012,957,881	32,012,957,881
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	27,564,441,158	14,694,080,123	42,258,521,281
Số cuối kỳ	27,564,441,158	10,719,246,081	38,283,687,239

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯỞI ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	-	41,505,826,380	41,505,826,380
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	41,505,826,380	41,505,826,380
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	-	10,157,088,106	10,157,088,106
Khấu hao trong kỳ	-	563,928,420	563,928,420
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	-	10,721,016,526	10,721,016,526
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	-	31,348,738,274	31,348,738,274
Số cuối kỳ	-	30,784,809,854	30,784,809,854

13. Chi phí xây dựng cơ bản

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	35,544,534,310	-	-	35,544,534,310
XDCB dở dang	24,192,866,680	4,785,893,680	6,388,955,555	22,589,804,805
Cộng	59,737,400,990	4,785,893,680	6,388,955,555	58,134,339,115

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	300,501,102,805	225,774,938,872
Phải trả về hoạt động tái bảo hiểm	458,359,606,427	400,720,854,266
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	18,757,947,894	26,217,768,305
Phải trả cho nhà cung cấp khác	45,521,167,686	80,412,312,924
Cộng	823,139,824,812	733,125,874,367

15. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước về hoạt động bảo hiểm gốc	32,770,378,083	14,375,779,210
Cộng	32,770,378,083	14,375,779,210

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng hàng nội địa	24,080,908,263	32,966,911,948
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18,140,271,958	18,466,270,273
Thuế thu nhập cá nhân	3,053,614,265	6,479,705,239
Thuế khác	4,347,018	-
Cộng	45,279,141,504	57,912,887,460

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp, KPCĐ	7,140,356,666	9,519,133,164
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8,824,933,692	8,983,581,666
Thuế nhà thầu tạm giữ	350,163,908	
Các khoản đóng góp quỹ bảo hiểm	9,728,818,779	10,016,848,651
Các khoản khác	119,192,854,936	89,420,063,834
Cộng	145,237,127,981	117,939,627,315

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Dự phòng nghiệp vụ

18a. Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Dự phòng bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng BH gốc và nhận tái BH thuần	
	(1)	(2)	(3) = (1) – (2)	(4)	(5)	(6) = (4) – (5)
1. Dự phòng bồi thường						
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	1,657,018,453,777	855,814,500,484	801,203,953,293	1,752,500,636,177	991,497,621,105	761,003,015,072
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	1,576,157,468,803	825,396,358,413	750,761,110,390	1,677,984,286,101	957,259,150,955	720,725,135,146
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	80,860,984,974	30,418,142,071	50,442,842,903	74,516,350,076	34,238,470,150	40,277,879,926
Cộng	2,186,437,546,513	570,113,185,926	1,616,324,360,587	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692
	3,843,456,000,290	1,425,927,686,410	2,417,528,313,880	3,855,319,060,734	1,618,766,626,970	2,236,552,433,764
Trong đó chi tiết:						
Dự phòng bồi thường						
Số dư đầu năm	1,752,500,636,177	991,497,621,105	761,003,015,072	1,942,795,192,972	997,244,121,804	945,551,071,168
Số trích lập trong kỳ	(95,482,182,400)	(135,683,120,621)	40,200,938,221	(190,294,556,795)	(5,746,500,699)	(184,548,056,096)
Số dư cuối kỳ	1,657,018,453,777	855,814,500,484	801,203,953,293	1,752,500,636,177	991,497,621,105	761,003,015,072
Dự phòng phí chưa được hưởng						
Số dư đầu năm	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692	2,284,466,445,222	665,698,926,324	1,618,767,518,898
Số trích lập trong kỳ	83,619,121,956	(57,155,819,939)	140,774,941,895	(181,648,020,665)	(38,429,920,459)	(143,218,100,206)
Số dư cuối kỳ	2,186,437,546,513	570,113,185,926	1,616,324,360,587	2,102,818,424,557	627,269,005,865	1,475,549,418,692

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18b. Dự phòng dao động lớn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	223,906,083,881	196,589,751,521
Số trích lập thêm trong kỳ	17,211,243,828	27,316,332,360
Số dư cuối kỳ	241,117,327,709	223,906,083,881

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	803,957,090,000	827,943,052,804	28,642,118,155	80,395,709,000	319,322,298,187	4,093,863,437	2,385,953,251,880
Cổ đông góp vốn	401,964,200,000	(401,964,200,000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	291,455,675,820	2,851,641	291,458,527,461
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	14,063,617,499	(14,063,617,499)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(9,565,938,384)	-	-
Trích thường ban lãnh đạo	-	-	-	-	(6,377,292,257)	-	-
Giảm do Công ty liên kết phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(145,540,057)	-	-
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	(484,493,746)	-	-9,565,938,384.00
Số dư cuối năm trước	1,205,921,290,000	425,978,852,804	28,642,118,155	94,459,326,499	901,740,212,361	4,096,715,078	2,660,838,514,897
Số dư đầu năm nay	1,205,921,290,000	425,978,852,804	28,642,118,155	94,459,326,499	901,740,212,361	4,096,715,078	2,660,838,514,897
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	130,069,460,992	49,947,765	130,119,408,757
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(8,392,486,682)	-	(8,392,486,682)
Trích thường ban lãnh đạo	-	-	-	-	-	-	-
Giảm do Công ty liên kết phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1,205,921,290,000	425,978,852,804	28,642,118,155	94,459,326,499	1,023,417,186,671	4,146,662,843	2,782,565,436,972

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Cổ phiếu</i>	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	120,592,129	120,592,129
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	120,592,129	120,592,129

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu phí bảo hiểm**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bảo hiểm gốc	2,177,961,997,322	1,956,831,781,677
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	37,782,032,541	(12,501,939,919)
Phí nhận tái bảo hiểm	20,226,291,357	49,170,443,982
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	-	-
Tăng (giảm) dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(83,619,121,956)	84,667,906,890
Doanh thu thuần	<u>2,152,351,199,264</u>	<u>2,078,168,192,630</u>

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	74,477,134,775	66,071,639,820
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	317,873,352	1,607,439,553
Lãi kinh doanh trái phiếu, đầu tư khác	23,352,786,547	56,023,411,134
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5,025,038,143	2,149,700,000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	503,923,105	1,757,221,184
Các khoản khác	93,566,162	189,929,480
Cộng	<u>103,770,322,084</u>	<u>127,799,341,170</u>

3. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	7,826,063,015	6,669,861,681
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,545,445,974	4,828,965,904
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(2,034,823,496)	-
Chi phí kinh doanh chứng khoán, đầu tư khác	3,836,326,015	70,500,091,326
Chi phí tài chính khác	2,193,557	427,434,567
Cộng	<u>12,175,205,065</u>	<u>82,426,353,478</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Số 95, phố Trần Thái Tông, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9,973,640,342	11,642,034,867
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	390,841,656	-
Chi phí dụng cụ quản lý	2,173,830,828	10,883,848,882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,547,877,471	11,093,076,565
Thuế phí và lệ phí	14,040,167,047	242,934,782
Chi phí dự phòng	6,196,590,747	(718,545,971)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,619,262,017	23,333,459,793
Chi phí khác bằng tiền	2,965,166,051	4,046,657,379
Cộng	56,907,376,160	60,523,466,297

5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	132,393,681,868	157,128,186,736
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	132,393,681,868	157,128,186,736
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	120,592,129	120,592,129
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,098	1,304

Lập, ngày 29 tháng 07 năm 2026

Người lập biểu

Đỗ Thị Chinh

Kế toán trưởng

Lê Trọng Hiệp

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Yến